

VẤN ĐỀ SINH KẾ VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC (trường hợp người Kháng ở Chiềng Bôm, Thuận Châu, Sơn La)

BÙI BÍCH LAN^(*)

Trong vài thập kỷ gần đây, sinh kế và môi trường đang trở thành xu hướng tiếp cận phổ biến trong các nghiên cứu về phát triển bền vững không những ở Việt Nam mà cả một số nước trên thế giới. Theo các nhà nghiên cứu, một sinh kế chỉ được coi là bền vững khi nó có khả năng đảm bảo thỏa mãn các nhu cầu sinh tồn của con người, lại vừa duy trì và tăng cường các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Là một khu vực kinh tế chậm phát triển so với cả nước, môi trường miền núi phía Bắc nước ta đang gặp phải những mối đe dọa từ sự phát triển kinh tế như tình trạng thiếu đất sản xuất, khai thác quá mức cho phép dẫn đến sự suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên,... Trên thực tế, sự suy thoái này đã dẫn đến những tác động tiêu cực không chỉ đối với bản thân người dân miền núi mà còn hệ lụy đến cả khu vực đồng bằng, không chỉ cuộc sống hôm nay mà tới cả các thế hệ mai sau. Vậy, câu hỏi đặt ra là: làm thế nào để vừa phát triển kinh tế, vừa có thể bảo tồn tài nguyên môi sinh, hướng tới phát

triển bền vững? Nghiên cứu trường hợp người Kháng ở Chiềng Bôm, Thuận Châu, Sơn La với tư cách là ví dụ điển hình, hy vọng sẽ phần nào trả lời được câu hỏi này.

Là một trong số 21 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, người Kháng cư trú tập trung ở Tây Bắc tại các tỉnh Điện Biên, Lai Châu và Sơn La. Năm 1974, người Kháng ở nước ta chỉ có khoảng gần 2.000 người. Và gần đây nhất, theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 1/4/2009, con số này đã tăng lên 13.840 người. Tuy nhiên, cho đến nay, Kháng vẫn là một dân tộc có dân số ít ở nước ta.

Phân tích của chúng tôi tập trung vào dân tộc Kháng ở Chiềng Bôm - một xã miền núi của huyện vùng cao Thuận Châu, tỉnh Sơn La với toàn bộ lãnh thổ tự nhiên là núi đất và đồi đất, ngoài người Kháng chiếm 36% dân số toàn xã (với 374 hộ, 2003 khẩu), còn có sự cư trú của các dân tộc như Thái, H'mông, Khơmú,...

^(*) NCS., Viện Dân tộc học.

I. Sinh kế của người Kháng ở Chiềng Bôm

1. Những năm trước Đổi mới (1986)

Trước Đổi mới, nhìn chung, kinh tế của người Kháng ở Chiềng Bôm chủ yếu vẫn là nền kinh tế khép kín, mang tính chất tự cấp tự túc. Ruộng nước bắt đầu xuất hiện cùng với công cuộc định canh, định cư của Nhà nước vào những năm sau giải phóng Tây Bắc. Tuy nhiên, với diện tích không đáng kể, chỉ làm lúa một vụ cộng thêm với kỹ thuật canh tác đơn giản, ít chăm sóc nên hoạt động trồng trọt chủ yếu vẫn là nương rẫy.

Trong canh tác nương rẫy của người Kháng ở Chiềng Bôm thời kỳ này, cây lúa là chủ đạo. Khi rừng còn nhiều, diện tích nương lúa có thể được khai phá tùy theo nhu cầu và khả năng của mỗi hộ gia đình thì cây ngô, cây sắn... chỉ mang tính chất là những cây trồng phụ, không được coi trọng. Nương bông có vị trí thứ hai sau nương lúa, bởi nó cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho việc làm ra một số sản phẩm cần thiết phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Do kỹ thuật canh tác đơn giản, công cụ thô sơ, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên... nên năng suất cây trồng thấp, thu nhập bấp bênh. Tình trạng thiếu đói xảy ra nhiều tháng trong năm.

Bên cạnh trồng trọt cây lương thực, các hoạt động kinh tế khác như chăn nuôi, thủ công gia đình, hái lượm và săn bắn là những hoạt động không thể thiếu, mang tính mùa vụ và bổ trợ cho trồng trọt. Chăn nuôi thời kỳ này chưa được phát triển, mang nặng tính tự túc tự cấp với tập quán thả rông, ít chăm sóc và dựa vào thiên nhiên là chính. Sản phẩm của hoạt động chăn nuôi không những đem lại sức kéo cho canh tác ruộng nước, cung cấp lễ vật cho các hoạt

động tín ngưỡng mà còn là nguồn thực phẩm quan trọng khi gia đình có công việc đại sự,... Ngoài ra, sản phẩm chăn nuôi cũng được dùng để cải thiện bữa ăn hàng ngày và là vật trao đổi khi cần thiết. Khi việc săn bắn có thể đem lại một lượng thực phẩm thiết yếu cho cuộc sống hàng ngày, chăn nuôi đã không được quan tâm đúng mức. Hơn nữa, thời tiết khắc nghiệt, nhiều dịch bệnh... cũng là những yếu tố gây cản trở cho hoạt động này.

Hoạt động thủ công gia đình chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trong các gia đình, đôi khi để trao đổi và là một phần không thể thiếu trong nền kinh tế tự cấp, tự túc của người Kháng. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ tập trung vào đan lát và dệt vải.

Trong khuôn khổ một nền kinh tế khép kín, khai thác các nguồn lợi tự nhiên thời kỳ này có một vai trò khá quan trọng trong đời sống kinh tế và đứng vị trí thứ hai chỉ sau trồng trọt. Từ rừng, người ta có thể khai thác hàng ngàn loại cây, lá, củ, quả làm thuốc chữa bệnh, làm các món ăn hàng ngày (cho con người và cả chăn nuôi), làm nguyên liệu cho các nghề thủ công gia đình. Dưới những cánh rừng nơi người Kháng cư trú là một hệ động vật khá phong phú và khi con người chưa biết quan tâm nhiều tới hoạt động chăn nuôi thì hệ động vật này là đối tượng săn bắn, đem lại nguồn thực phẩm quan trọng cho các bữa ăn hàng ngày của người dân. Việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên này đã đáp ứng một phần không nhỏ nhu cầu về lương thực và thực phẩm cho đời sống hàng ngày của người dân, nhất là những khi mất mùa, giáp hạt...

2. Những năm sau Đổi mới

Từ sau năm 1986 trở lại đây, những chính sách mới trong quản lý rừng của Nhà nước cùng với sự bạc màu nhanh chóng của đất dốc, cây lúa nương đang dần biến mất, thay vào đó là các loại cây hoa màu và cây công nghiệp. Trong bối cảnh đó, cây lúa nước được tích cực mở mang diện tích, thâm canh tăng vụ nhưng cũng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu lương thực. Việc quy hoạch trồng cây lương thực kết hợp với kinh tế rừng đang là một hướng đi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bên cạnh tạo ra nguồn thu nhập mới, việc trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc còn có ý nghĩa to lớn trong việc giảm độ xói mòn đất, bảo vệ môi trường.

Trong hoạt động chăn nuôi, người dân đã bước đầu tiếp cận với khoa học kỹ thuật trong lựa chọn giống, nguồn thức ăn, kỹ thuật chăm sóc, phòng bệnh,... Nhưng với nhiều lý do (nguồn vốn, bãi chăn thả, tình hình dịch bệnh,...) nên quy mô chăn nuôi hiện nay còn manh mún, nhỏ lẻ và vẫn chỉ là hoạt động mưu sinh phụ trợ. Các nghề thủ công gia đình vẫn được duy trì nhưng chỉ dừng lại ở mức độ tự sản tự tiêu, chưa có sản phẩm hàng hoá. Tình hình trao đổi, buôn bán cũng đang được cải thiện, người dân có thể mua, bán những sản phẩm cần thiết ngay trên địa bàn cư trú. Trong điều kiện nguồn tài nguyên rừng bị thu hẹp và ngày càng khan hiếm, hoạt động khai thác các nguồn lợi tự nhiên đã giảm dần vai trò trong đời sống sinh kế của người dân, những nguồn thu nhập mới đã xuất hiện như dịch vụ, làm thuê,... góp phần giải quyết lao động dư thừa, cải thiện thu nhập.

So với trước đây, nguồn lực tự nhiên trong sinh kế của người Kháng ở Chiềng Bôm bị suy giảm đáng kể. Tuy nhiên, các nguồn lực còn lại như nguồn lực con người, xã hội, tài chính... lại đang dần được cải thiện với sự hỗ trợ từ các chương trình của Nhà nước cùng với ý chí học hỏi, vươn lên của bản thân tộc người. Thực tế cho thấy, hàng loạt các chính sách, dự án đã và đang được triển khai ở khu vực miền núi phía Bắc nói chung và Chiềng Bôm nói riêng dưới nhiều hình thức khác nhau như chính sách phát triển hạ tầng cơ sở, đào tạo nghề, cấp đất và cho vay vốn phát triển sản xuất, các chính sách về giáo dục, y tế, văn hoá, bảo tồn và phát triển một số dân tộc thiểu số. Các chính sách này đã tạo ra sự tăng trưởng về kinh tế, cũng như những cải thiện quan trọng trên nhiều lĩnh vực của đời sống.

II. Những tác động tới môi trường

Trước đây, theo cách hiểu thông dụng, khi nghiên cứu về phát triển bền vững, người ta thường xem xét mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và con người với các nguồn tài nguyên và môi trường thiên nhiên. Sự phát triển bền vững là sự phát triển được hình thành trong phương thức sản xuất, trong phương thức phát triển và tổ chức thích ứng với nền kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Vì vậy, chính hệ thống sản xuất và phương thức phát triển là cái quyết định đến sự biến đổi của môi trường.

1. Những tác động tích cực

Trước đây, qua các hoạt động mưu sinh, chúng ta có thể thấy người Kháng ở Chiềng Bôm đã sớm có ý thức bảo vệ tài nguyên rừng với những tập tục được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Do dân số

ít, địa bàn canh tác rộng nên chu kỳ bỏ hoá nương kéo dài 7 - 8 năm, đủ thời gian để rừng khôi phục lại, không ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường. Trong quá trình tìm đất phát nương, luật tục không cho phép chọn ở những khu rừng đầu nguồn (*klâu hua bo*) hay rừng già (*klâu đủng*). Bởi đây là nơi phát sinh nguồn nước, nơi có nhiều cây to lấy gỗ dựng nhà, khai thác nguyên liệu đan lát...

Từ những điều kiện địa hình, khí hậu và đất đai của địa phương, họ đã chế tạo nên bộ nông cụ mang tính tương thích, những tập đoàn giống cây trồng phù hợp và một hệ thống nông lịch chặt chẽ, nhịp nhàng. Thực tế cho thấy, nền nông nghiệp trọt tọt của họ đã tận dụng được những điều kiện ưu đãi của thiên nhiên, đồng thời cũng đủ sức chống chịu sự khắc nghiệt do thiên nhiên mang lại.

Sự xen canh, luân canh lúa, ngô, sắn với các loại đậu, đỗ, lạc, vừng,... từ truyền thống cho đến nay đã thể hiện những tri thức của người Kháng trong việc bảo vệ và tạo nguồn dinh dưỡng cho những mảnh nương đang bị bạc màu. Trong khi canh tác nương rẫy tỏ ra ngày càng kém hiệu quả do diện tích bị thu hẹp và sự suy giảm về chất lượng đất thì hình thức canh tác ruộng bậc thang đã thể hiện được sự ưu việt của nó trong vấn đề định canh định cư và bảo vệ môi trường. Việc khai phá và tạo dựng nên những thửa ruộng bậc thang chạy ngang quanh sườn núi, sườn đồi theo đường đồng mức đã làm nên những tác động tích cực trong việc bảo vệ độ màu của đất, chống lại quá trình bị rửa trôi, xói mòn.

Trong chăn nuôi, từ việc lựa chọn các loại giống đến cách thức chăn thả và

chăm sóc,... đều dựa vào khả năng thích nghi với môi trường tự nhiên. Một số quy ước của bản làng trong hoạt động khai thác các nguồn lợi sẵn có trong thiên nhiên cũng thể hiện sự tích cực trong vấn đề bảo vệ môi trường. Theo luật tục, người cố tình khai thác rừng đầu nguồn khi bị phát hiện sẽ phải nộp phạt một gấp ba, quy ra tiền hoặc thóc nộp vào quỹ chung cho cả bản. Ngoài ra, trong thời gian đó, trâu bò trong bản chết dịch hay mùa màng thất thu thì người vi phạm còn phải lo sắm sửa các lễ vật để tổ chức một lễ cúng cầu an cho cả dân làng.

Trước đây, người Kháng cũng có ý thức cao trong việc bảo vệ các nguồn lâm thổ sản quý. Quy ước ở bản Poọng (Chiềng Bôm) quy định rõ, nghiêm cấm khai thác ở những trảng rừng có các loại cây quý hiếm và cần thiết cho cuộc sống hàng ngày như *thồ lộ* (lấy gỗ làm nhà), *cây mạy bản* (nguyên liệu đan lát), cây măng, cây trám vàng... khi chúng còn đang trong giai đoạn sinh trưởng.

2. Những tác động tiêu cực

Hiện nay, qua các hoạt động sinh kế, ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của người Kháng ở Chiềng Bôm đang có chiều hướng suy giảm trước sức ép của sự gia tăng dân số. Với tỷ lệ hộ đói nghèo chiếm tới 58%, tình trạng xâm hại tài nguyên và môi trường nơi họ sinh sống là điều khó tránh khỏi, bởi sự duy trì môi trường sống luôn có liên quan mật thiết tới vấn đề đói nghèo.

Trong vài thập kỷ trở lại đây, với tình trạng khai thác bừa bãi để thoả mãn các nhu cầu sinh kế, tài nguyên rừng ở Chiềng Bôm đã bị suy giảm đến mức báo động. Phần lớn diện tích rừng ở Chiềng Bôm, trong đó có rừng đặc dụng

(rừng già) đã nằm trong sự quản lý của Nhà nước (Hạt kiểm lâm Copia).

Trong khi diện tích ruộng nước không đáng kể, người Kháng ở Chiềng Bôm đang thiếu đất canh tác trầm trọng, họ buộc phải canh tác trên những vùng đất không thích hợp, độ dốc cao, các sườn đồi bị xói mòn. Thời gian bỏ hoá bị rút ngắn dần đã càng đẩy nhanh sự bạc màu của đất. Diện tích cây lúa nương ngày càng bị thu hẹp và đến thời điểm này đã gần như không còn tồn tại, thay vào đó là cây ngô dần chiếm ưu thế. Ngô khi trở thành cây hàng hoá và có giá trên thị trường đã được mở rộng diện tích một cách ồ ạt, vì vậy chỉ sau vài ba năm đất đai bị bạc màu nghiêm trọng. Đa số phải sử dụng phân bón và chỉ một số hộ tận dụng độ màu tự nhiên để trồng trọt. Không có thời gian bỏ hoá, đất nương được khai thác và tận dụng một cách triệt để.

Trong thời gian qua, cũng như tình trạng chung ở các dân tộc thiểu số nước ta, việc chọn lọc, kế thừa những yếu tố văn hoá, tri thức bản địa có tính tích cực đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong phương thức sinh kế ở Chiềng Bôm chưa thực sự được chú ý. Việc lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình, kiến thức khoa học kỹ thuật cũng như phương pháp tập huấn, hướng dẫn,... trong sản xuất nông nghiệp đã được triển khai một cách thiếu cẩn trọng, không phù hợp với trình độ nhận thức cũng như điều kiện tự nhiên và môi trường của người dân địa phương. Sự thiếu quan tâm và kế thừa những tri thức địa phương cũng là một trong những lý do dẫn đến hiệu quả của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cũng như cơ cấu cây trồng vật nuôi ở Chiềng Bôm không được như mong đợi.

Đặc biệt, chính nền kinh tế hàng hoá và thị trường là nguyên nhân rất quan trọng làm mất đi những tri thức bản địa trong canh tác nông nghiệp có tác động tích cực tới môi trường. Khi hiện nay, hầu hết người nông dân Kháng ở Chiềng Bôm đã áp dụng các giống lúa, ngô mới trong canh tác để đem lại những sản phẩm hàng hoá lợi nhuận cao thì cũng là lúc các tri thức liên quan đến các loại cây trồng bản địa đang dần bị quên lãng. Các giống cây trồng mới hiện nay mặc dù cho năng suất cao vượt trội nhưng cũng bộc lộ những hạn chế so với giống địa phương như: chất lượng, khả năng thích nghi kém hơn, chi phí đầu tư lớn hơn. Bên cạnh đó, cả giống cây trồng và đất đai đều dễ bị thoái hoá sau vài năm canh tác. Nếu tình trạng này còn tiếp diễn thì có thể dẫn đến sự mất mát to lớn về nguồn gen của các giống cây trồng, vật nuôi bản địa vốn có tính thích ứng cao với điều kiện tự nhiên mà người dân đã trải qua bao thế hệ để tạo ra nó.

Sự hạn chế trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là trong việc sử dụng các loại phân hoá học cũng là một nguyên nhân gây nên những tác động xấu đến chất lượng môi trường. Mặc dù đã được tập huấn, nhưng do hạn chế về trình độ nên việc sử dụng hàm lượng phân bón hoá học trên diện tích canh tác cây trồng không hợp lý, lạm dụng, thiếu tính toán và phần lớn dựa trên cảm tính. Điều này không chỉ làm thiệt hại về nguồn lực tài chính, năng suất cây trồng mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực tới vấn đề môi trường (đất đai, nguồn nước). Trong chăn nuôi, mặc dù người dân đã được vận động làm chuồng trại riêng, cách xa khu cư trú nhưng hình thức thả rông và nhốt chuồng dưới

gầm nhà sàn vẫn chiếm ưu thế. Ngoài việc ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi, sức khỏe con người, tập quán này cũng đang gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường quanh khu cư trú.

Đối với các nguồn lợi tự nhiên, người dân chỉ được phép khai thác ở những khu rừng tái sinh, rừng khoanh nuôi bảo vệ. Tuy nhiên, đây là những khu rừng nghèo về trữ lượng các loại lâm thổ sản và các loài thú quý hiếm. Khai thác các sản phẩm rừng hiện nay là một trong những cách ứng phó với tình trạng thiếu đói lương thực của một số hộ nghèo. Họ cũng nhận biết được việc khai thác gỗ, động vật rừng quý hiếm là hoạt động phạm pháp, song vì mưu sinh cho gia đình, họ không thể từ bỏ. Mỗi bản người Kháng có khoảng vài ba hộ (mới tách, ít ruộng, thiếu kiến thức làm ăn...) chuyên hành nghề khai thác gỗ trái phép. Bên cạnh đó, cũng có không ít hộ lạm dụng việc làm nhà để khai thác gỗ đem bán. Tính “tước đoạt” ngày càng thể hiện rõ khi người ta không còn có thể nhìn thấy nhiều loại động vật, nhất là những động vật quý hiếm ở vùng đất này. Khác với trước đây, người ta có thể hái từ rừng những loại cây, củ, quả,... chưa kịp sinh trưởng và phát triển.

Sự suy thoái môi trường còn được thể hiện qua những biến đổi thất thường của điều kiện thời tiết trong những năm gần đây, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh kế của người dân. Ba năm liên tiếp (2007, 2008, 2009), sản xuất nông nghiệp của người Kháng ở Chiềng Bôm gặp khó khăn nghiêm trọng khi xảy ra hạn hán trên diện rộng, năng suất và sản lượng giảm tới 30-40%. Căn nguyên của tình trạng

này cũng là do ứng xử với môi trường sống của con người.

III. Một số đề xuất

Sự gia tăng dân số, thu hẹp diện tích rừng, sự suy giảm nhanh chóng chất lượng đất và những diễn biến thất thường của khí hậu... đã và đang đặt ra cho người Kháng ở Chiềng Bôm những thách thức to lớn trong công cuộc mưu sinh. Đa số các hộ gia đình thiếu các nguồn lực mưu sinh, nhất là nguồn lực tự nhiên và phải vật lộn với các sinh kế khác nhau để tồn tại. Chính đói nghèo và hạn chế của những phương thức mưu sinh đã ngăn cản họ đầu tư ở mức cần thiết cho sinh kế nhằm mục đích bảo vệ môi trường mà họ đang sinh sống.

Trên cơ sở những phân tích trường hợp người Kháng ở trên với tư cách là ví dụ điển hình, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau nhằm phát triển sinh kế của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc hiện nay theo hướng đảm bảo sự bền vững của môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- *Kế thừa những tri thức bản địa có tác động tích cực tới môi trường.* Những tri thức bản địa có giá trị tích cực trong vấn đề bảo vệ môi trường cần được kế thừa và gìn giữ trong các chương trình phát triển sinh kế vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cần có những nghiên cứu nhằm tìm ra những giống cây trồng, vật nuôi vừa có giá trị cải thiện sinh kế, vừa có khả năng thích nghi cao với môi trường tự nhiên của địa phương.

- *Đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng.* Nền kinh tế miền núi bị khủng hoảng cũng bắt đầu từ sự khủng hoảng của tài nguyên rừng. Vì vậy, cần phải phục hồi lại chính diện tích rừng đã bị mất đi bằng việc đẩy mạnh phát triển kinh tế

rừng. Cần có chính sách cụ thể, phù hợp và thỏa đáng để gắn người dân với hoạt động này, trong đó, chú trọng thực hiện việc giao đất lâm nghiệp trên rừng nghèo cho hộ gia đình để người dân trồng rừng và phát triển kinh tế rừng, bổ sung thêm nguồn thu nhập.

- *Đa dạng hoá nguồn thu nhập.* Là những cư dân miền núi, người Kháng nói riêng cũng như các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nói chung cũng nhận thức được vai trò của môi trường tự nhiên trong các hoạt động mưu sinh. Nhưng đói nghèo và môi trường luôn có mối liên hệ mật thiết. Khi dân số gia tăng, diện tích rừng bị thu hẹp, người Kháng ở Chiềng Bôm không còn được đảm bảo về an ninh lương thực thì ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường xung quanh đối với họ trở nên “xa vời”. Vì vậy, đa dạng hoá nguồn thu nhập sẽ giải quyết được tình trạng lệ thuộc và “chiếm đoạt” nguồn tài nguyên rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Koos Neefjes. Môi trường và sinh kế - Các chiến lược phát triển bền vững. H.: Chính trị quốc gia, 2003.
2. Vũ Quang Định. Vai trò khoa học công nghệ trong xoá đói giảm nghèo ở miền núi và cộng đồng các dân tộc. Báo cáo tham luận tại Hội thảo khoa học “Xoá đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số: Phương pháp tiếp cận”. H.: 2001.
3. Nguyễn Văn Huy. Về nhóm Kháng ở Tây Bắc, in trong "Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam". H.: Khoa học xã hội, 1975.
4. Nguyễn Trúc Bình. Sơ lược về người Kháng ở Tây Bắc. TL 547, Viện Dân tộc học, 1968.
5. Vương Hoàng Tuyên. Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam. H.: Giáo dục, 1963.

(Tiếp theo trang 56)

Nhóm giải pháp nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, gồm: xây dựng khung chuẩn hóa chức danh, trình độ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở phường, thị trấn; tuyển dụng cán bộ văn hóa phải theo đúng bằng cấp chuyên môn và thực hiện luân chuyển hợp lý trong nội bộ ngành, bảo đảm mặt bằng chuyên môn ổn định, giảm áp lực đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ qua những cương vị công tác có liên

quan với nhau, nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ văn hóa; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn liền với hoạch định chương trình hoặc chiến lược hoạt động của ngành văn hóa.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Viện Văn hóa nghệ thuật, tháng 2/2011.

PV.
giới thiệu